

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana"**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Công văn số 2908/UBND-NNMT ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về việc xác nhận trữ lượng cát xây dựng bổ sung được cho phép đưa vào thiết kế khai thác tại mỏ cát sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana;*

*Xét Công văn số 1891/STNMT-MT ngày 07/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana" và Công văn số 98/CV-TT ngày 09/8/2022 của Doanh nghiệp tư nhân Trung Thiện về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 231/TTr-STNMT ngày 19/ 8 /2022; Ý kiến thẩm định của Ủy viên Hội đồng (Đại diện Sở Tài chính) đối với nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại Bản nhận xét ngày 08/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana" (sau đây gọi là Dự án) của Doanh nghiệp tư nhân Trung Thiện (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Krông Ana;
- Trung tâm PV HCC tỉnh ( để biết);
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk;
- DNTN Trung Thiện (Đ/c: Thôn Quỳnh Ngọc, xã Ea Na, H. Krông Ana);
- Lưu: VT, NNMT ( H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Giang Gry Niê Knong**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
"ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT  
LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TRÊN SÔNG KRÔNG NÔ,  
XÃ BÌNH HÒA, HUYỆN KRÔNG ANA"**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana.
- Chủ dự án: Doanh nghiệp tư nhân Trung Thiện.
- Địa điểm thực hiện: Chiều dài ½ sông Krông Nô thuộc tỉnh Đắk Lắk, đoạn chảy qua xã Bình Hòa, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Quỳnh Ngọc, xã Ea Na, huyện Krông Ana.
- Người đại diện: Ông Lê Đức Quân, Chức vụ: Chủ doanh nghiệp.
- Vị trí địa lý: Tọa độ điểm gốc là ranh giới điểm đầu và cuối của sông theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108,30°, múi chiếu 3° như sau:

Điểm gốc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
M3	1374 825	437 839
M4	1375 438	441 325

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ khai thác:**

- Diện tích khai thác: 18ha (tính theo phần mềm Mapinfo và đã được phê duyệt trong báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng) với tổng chiều dài khai thác là 4,25km trên ½ sông Krông Nô thuộc tỉnh Đắk Lắk, đoạn chảy qua xã Ea Na, huyện Krông Ana.

- Bãi tập kết: Diện tích 3.700m<sup>2</sup> nằm trong khu vực bãi tập kết tập trung tại bên cát thôn Quỳnh Ngọc, xã Ea Na, huyện Krông Ana; được thuê lại của Ông Nguyễn Đức Tuyên (diện tích đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất SKX - Đất sản xuất vật liệu xây dựng). Vị trí bãi tập kết cách điểm cuối khu vực khai thác khoảng 11,5km theo đường sông.

- Công suất: 30.000m<sup>3</sup> cát nguyên khai/năm.

**1.3. Công nghệ khai thác:**

- Khai thác theo lớp bằng với chiều cao tầng 1,75m. Sử dụng ghe, tàu, bè hút cát và vận chuyển đến bãi tập kết cát. Cát được vận chuyển đi tiêu thụ bằng ô tô, bốc xúc cát lên xe bằng máy xúc thủy lực.

- Thời gian tồn tại dự kiến của dự án là 11 năm, thời gian thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác là 01 năm.

**1.4. Các hạng mục, công trình và hoạt động của dự án**

- Chiều dài đoạn sông khai thác: Tổng chiều dài khai thác là 4,25km trên ½ sông Krông Nô thuộc tỉnh Đắk Lắk, đoạn chảy qua xã Ea Na, huyện Krông Ana. Dự án dự kiến hoạt động với 6 ghe, tàu, bè và 2 máy xúc.

- Bãi tập kết cát với diện tích 3.700m<sup>2</sup>, gồm:

\* Các công trình phụ trợ:

- + Nhà văn phòng, nhà vệ sinh diện tích 100m<sup>2</sup>;
- + Kho vật tư diện tích 30m<sup>2</sup>;
- + Bãi chứa cát diện tích 2.000m<sup>2</sup>;
- + Nhà điều hành trạm cân, camera giám sát diện tích 10m<sup>2</sup>;
- + Trạm cân diện tích 30m<sup>2</sup>;
- + Đường đi và sân diện tích 1.520m<sup>2</sup>.

\* Các công trình bảo vệ môi trường:

- + Thùng thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 02 cái;
- + Kho lưu chứa chất thải nguy hại: 01 cái, diện tích 10m<sup>2</sup>;
- + Thùng chứa chất thải nguy hại: 06 cái;
- + Bể tự hoại : 01 cái, dung tích 4m<sup>3</sup>, kích thước 1m x 1m x 4m;
- + Hệ thống thu gom, thoát nước mưa xung quanh bãi tập kết: kích thước 0,5m x 0,5m x 1m, dài khoảng 500m.

- Tuyến đường vận chuyển, bao gồm: tuyến đường vận chuyển trên sông và tuyến đường bộ.

+ Tuyến đường vận chuyển trên sông: Khu vực khai thác dài 4,25km. Khoảng cách từ bãi tập kết cát đến khu vực khai thác (điểm M3- điểm đầu) dài 15,75km. Khoảng cách từ bãi tập kết cát đến khu vực khai thác (điểm M4- điểm cuối) dài khoảng 11,5km. Vận chiều dài đoạn đường vận chuyển cát sông lớn nhất là 15,75km.

+ Tuyến đường bộ: bao gồm đường nông thôn từ bãi tập kết cát ra đường TL2 và đường từ TL2 ra QL14. Đoạn đường vận chuyển từ bãi tập kết cát tập trung ra tuyến đường TL 2 là đường đất, dài 4.000m, rộng 8m, dọc hai bên đường rải rác các nhà dân. Đường TL 2 là đường nhựa, mặt đường rộng 10-12m.

- Hoạt động của dự án gồm: Hút cát lòng sông lên ghe, tàu; vận chuyển từ khu vực khai thác về bãi tập kết; hút đáy cát từ ghe, tàu lên bãi tập kết; vận chuyển cát ra khỏi bãi tập kết đi tiêu thụ.

### **1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án được thực hiện trên phạm vi diện tích đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 80/GP-UBND ngày 11/8/2021 (gia hạn lần 3) và xác nhận trữ lượng cát xây dựng bổ sung được cho phép đưa vào thiết kế khai thác tại Công văn số 2908/UBND-NNMT ngày 14/4/2022. Trong phạm vi bán kính 1.000m từ khu vực khai thác không có công trình có yếu tố nhạy cảm về môi trường. Khu dân cư tập trung cách bãi tập kết cát khoảng 4km về phía Đông Bắc.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Dự án được xác nhận trữ lượng cát bổ sung để đưa vào thiết kế khai thác trên phạm vi đang được cấp Giấy phép khai thác. Dự án không có thực hiện xây dựng cơ bản mở. Do đó, các tác động môi trường chính của dự án được đánh giá trong giai đoạn vận hành dự án (gồm các hoạt động: khai thác cát lòng sông lên ghe tàu, vận chuyển từ khu vực khai thác về bãi tập kết; hút đẩy cát từ ghe, tàu lên bãi tập kết; vận chuyển cát ra khỏi bãi tập kết đi tiêu thụ), cụ thể:

- Các nguồn tác động liên quan đến chất thải: Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Các nguồn tác động không liên quan đến chất thải: tiếng ồn; rung; tác động đến cộng đồng, kinh tế - xã hội địa phương; tác động đến lòng bờ, bãi sông; các tác động do rủi ro, sự cố môi trường của dự án.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án:**

### **3.1. Nước thải, khí thải:**

- Lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích bãi tập kết cát, ước tính lớn nhất là 35,9 m<sup>3</sup>/ngày, trung bình khoảng 14,2m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, COD, dầu mỡ,...

- Nước thải sinh hoạt: Khoảng 1,43m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Coliform,...

- Nước thải sản xuất: Chủ yếu là nước sông được bơm hút cùng với cát lên ghe tàu, công suất khai thác 120m<sup>3</sup>/ngày, tương đương 36m<sup>3</sup> nước/ngày. Thành phần chủ yếu là bùn đất, cát lẫn trong nước.

- Bụi, khí thải: chủ yếu là khói thải từ máy móc của ghe tàu trong hoạt động hút, vận chuyển cát về bãi tập kết. Dự án dự kiến hoạt động với 6 ghe tàu bè (trong đó 02 ghe tàu bè dự phòng) và 2 máy xúc cát.

- + Ghe tàu sử dụng nhiên liệu là dầu DO, hoạt động trên sông với đoạn đường di chuyển là 15,57km. Thành phần chủ yếu là bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

- + Máy xúc, xe ô tô vận chuyển cát đi tiêu thụ (động cơ diesel): Trung bình khoảng 7 lượt xe vận chuyển cát ra vào bãi tập kết. Thành phần chủ yếu là bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 8,8kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, thức ăn thừa, vỏ trái cây, vỏ chai lọ thực phẩm,...

- Chất thải nguy hại: Phát sinh khoảng 220lít nhớt thải/năm, 44kg giẻ lau nhiễm dầu mỡ/năm. Trung bình khoảng 15kg/tháng.

### **3.3. Tiếng ồn, độ rung:**

- Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động hút, vận chuyển cát từ sông về bãi tập kết và hoạt động hút cát từ bãi tập kết lên xe đi tiêu thụ. Các quy chuẩn áp

dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### **3.4. Các tác động môi trường khác:**

- Tác động đến lòng bờ bãi sông, bồi lắng, sạt lở bờ sông;
- Tác động qua lại giữa các doanh nghiệp cùng khai thác, vận chuyển cát trên sông;
- Tác động đến các bè nuôi cá nước ngọt của các hộ chăn nuôi về phía hạ lưu diện tích khai thác, trên tuyến đường vận chuyển cát từ khu vực khai thác về bãi tập kết;
- Tác động do sự cố, rủi ro: tràn dầu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông trên sông, lũ lụt.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

- *Công trình thu gom, thoát nước mưa tại bãi tập kết cát:* Thu gom bằng mương rãnh thoát nước xung quanh bãi tập kết cát, thu nước trong bãi dẫn về sông Krông Nô. Mương rãnh được xây nền gạch, lát xi măng (kích thước: dài 500m, rộng đáy dưới 0,5m, đáy trên 1m), trên tuyến thoát nước có bố trí song chắn rác. Định kỳ thực hiện nạo vét và duy tu hệ thống thoát nước mưa.

- *Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại mỗi bãi tập kết cát:*

+ Sử dụng công trình bể tự hoại hiện có của dự án. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 4m<sup>3</sup> (Kích thước: 1m x 1m x 4m). Định kỳ, thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn (hút hàm phốt) đem đi xử lý theo quy định.

+ Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương nhằm giảm số lượng công nhân tập trung tại công trường, hạn chế khối lượng nước thải phát sinh.

- *Công trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất:* Dự án bố trí 02 đường ống song song, gồm 01 đường ống bơm cát lên bãi và 01 đường ống thoát nước từ bãi cát ra sông.

### **4.2. Về xử lý bụi, khí thải, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, chấn động và các ô nhiễm khác**

- Điều tiết máy móc, xe cộ, ghe tàu hoạt động hợp lý. Xe cộ, máy móc, thiết bị khai thác và vận chuyển cát phải còn niên hạn sử dụng; định kỳ thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, đăng kiểm. Đảm bảo hoạt động đúng công suất, vận chuyển đúng tải trọng quy định, hạn chế tốc độ khi đi qua khu vực đông dân cư, gần nhà dân.

- Phun nước tuyến đường vận chuyển cát vào các ngày nắng khô, gió mạnh nếu phát sinh bụi đất. Thu dọn, vệ sinh sạch sẽ nếu để rơi vãi vật liệu xuống đường trong quá trình vận chuyển. Thực hiện sửa chữa, tu bổ nếu làm hư hỏng tuyến đường đi lại của người dân.

- Xe vận chuyển cát phải chở đúng trọng tải; được phủ bạt che kín để hạn chế rơi vãi, phát tán bụi ra môi trường.

- Ghe, tàu bè và các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khai thác, vận chuyển cát phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân, người lao động làm việc tại dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác cát và Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành liên quan (QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

#### **4.3. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Bố trí thùng chứa có nắp đậy để thu gom lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực bãi tập kết và bố trí thùng chứa có nắp đậy trên phương tiện khai thác, để thu gom, phân loại kịp thời chất thải sinh hoạt phát sinh, không được xả chất thải xuống sông. Tại bãi tập kết bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy (văn phòng và ngoài bãi tập kết) để thu gom, lưu chứa tạm chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án.

- Hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường tại địa phương định kỳ đến thu gom, vận chuyển về bãi chôn lấp theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

#### **4.4. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

- Trang bị các vật liệu thấm hút dầu trên phương tiện khai thác để xử lý kịp thời sự cố, không để tràn xuống sông. Bố trí thùng chứa có nắp đậy trên từng phương tiện khai thác để thu gom, lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại phát sinh. Sau đó, vận chuyển về kho chứa tạm thời chất thải nguy hại tại bãi tập kết.

- Bố trí kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (diện tích 10m<sup>2</sup>) tại bãi tập kết, quy cách kho chứa chất thải nguy hại phải thực hiện đảm bảo theo quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Cần lưu ý phải chuyển giao khối lượng chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng.

- Không thực hiện sửa chữa máy móc, thay dầu nhớt tại khu vực triển khai dự án (yêu cầu thực hiện tại các gara chuyên dụng) để hạn chế thấp nhất phát sinh chất thải nguy hại.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

#### **4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Giảm thiểu tác động tới lòng, bờ, bãi sông: Trong quá trình khai thác cát, phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu 6m để duy trì sự ổn định bờ. Khai thác theo lớp bằng, chiều cao lớp khai thác 1,75m, khai thác theo đúng thiết kế mỏ đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Ngừng hoạt động khai thác trong trường hợp mưa lớn, kéo dài nhiều ngày.

- Khi xảy ra sạt lở bờ sông: Tiến hành kè bờ tại những điểm bị sạt lở bằng cách đóng cọc và gia cố bờ kịp thời. Tạm dừng khai thác và thông báo cho cơ quan chức năng biết, phối hợp khắc phục sự cố.

- Định kỳ thực hiện đo đạc lại địa hình đoạn sông khai thác để có kế hoạch, phương án khai thác đảm bảo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo về an toàn lòng, bờ, bãi sông quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu trên sông trong quá trình khai thác cát. Trang bị trên phương tiện khai thác các vật dụng, thiết bị đầy đủ và đảm bảo ứng phó kịp thời với sự cố tràn dầu có thể xảy ra trong quá trình hoạt động khai thác. Chịu trách nhiệm nếu để sự cố tràn dầu xảy ra, gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi cá bè của các hộ dân phía hạ lưu dự án (nằm trên tuyến đường vận chuyển cát về bãi tập kết). Ngoài ra, khi tàu khai thác của dự án đi qua khu vực có lồng bè nuôi cá nước ngọt của các hộ dân cần giảm vận tốc thấp nhất có thể và di chuyển hướng tàu cách xa khu vực nuôi nhằm tránh ảnh hưởng đến lồng cá nuôi.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện. Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy, biển báo nguy hiểm trên phương tiện khai thác cát và tại bãi tập kết cát.

- Lắp đặt các biển báo, cảnh báo khu vực công trường đang khai thác, tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường giao thông và đường vào bãi tập kết. Chấp hành nghiêm chỉnh Luật an toàn giao thông đường bộ và đường thủy.

- Trường hợp các phương tiện, thiết bị thi công, xe vận chuyển cát làm hư hỏng công trình, đường giao thông (liên xã, thôn, xóm,...), chủ dự án có trách nhiệm đền bù thiệt hại hoặc sửa chữa, khắc phục kịp thời.

#### **4.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

##### *4.6.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Khu vực khai thác: Trồng cây xanh tại những khu vực bị mất thảm thực vật; gia cố, kè bờ sông bằng cọc tre tại điểm có nguy cơ xảy ra sạt lở. Lắp đặt biển báo tại vị trí gia cố, kè bờ sông. Sau khi kết thúc khai thác, phải kiểm tra đoạn sông khai thác và thực hiện cải tạo những vị trí sạt lở theo khối lượng thực tế.

- Khu vực bãi tập kết cát: Trồng cây dọc bờ sông khu vực giáp bãi tập kết; tháo dỡ công trình dân dụng, san gạt mặt bằng bãi tập kết, nạo vét mương thoát nước mưa.



- Khu vực ngoài biên giới mở: Tu sửa tuyến đường vận chuyển từ các bãi tập kết cát ra trục đường chính.

- Thực hiện các biện pháp khác như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường (tại Chương 4: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường). Việc cải tạo, phục hồi môi trường của dự án phải phù hợp với quy hoạch của địa phương và phù hợp với quy định tại thời điểm thực hiện.

### **Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường:**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>1</b>	<b>Khu vực khai thác</b>			Trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác
1.1	Gia cố bờ sông (đoạn có nguy cơ bị sạt lở, dài 500 m)			
a	Chiều dài bờ sông được gia cố (đóng cọc tre)	m	470	
b	Đóng cọc tre những điểm có nguy cơ sạt lở (Cọc tre dài 2m; đóng cọc tre theo hình bậc thang)	cọc	14.100	
1.2	Vạt mái taluy khu vực bờ sông gia cố	m <sup>3</sup>	529	
1.3	Thỏa thuận đền bù đất giáp ranh khu vực bờ kè chiếm đất của người dân	m <sup>2</sup>	940	
1.4	Lắp đặt biển báo tại hai đầu đoạn bờ sông gia cố, kè bờ	cái	4	
<b>2</b>	<b>Khu vực bãi tập kết cát</b>			Sau khi kết thúc khai thác
2.1	Tháo dỡ các công trình dân dụng và phụ trợ			
a	Tháo dỡ công trình dân dụng			
-	Tháo dỡ cửa	m <sup>2</sup>	35	
-	Tháo dỡ mái tole	m <sup>2</sup>	150	
-	Phá dỡ tường	m <sup>3</sup>	10	
-	Phá dỡ nền	m <sup>3</sup>	10	
b	Phá dỡ bể tự hoại	m <sup>3</sup>	12	
c	Tháo dỡ trạm cân 80T			
-	Phá dỡ kết cấu bê tông, nền móng không có cốt thép	m <sup>3</sup>	10	
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	Tấn	2	
d	Tháo dỡ trạm biến áp	Tấn	0,65	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
2.2	Nạo vét rãnh thoát nước khu vực bãi tập kết	m <sup>3</sup>	187,5	
2.3	Trồng cây xanh (cây si, tại đoạn bờ sông giáp khu vực bãi tập kết cát)	cây	52	
2.4	San gạt mặt bằng khu vực bãi tập kết			
a	Đào xúc cát lẫn đất tại bãi chứa cát	m <sup>3</sup>	740	
b	Vận chuyển cát lẫn đất ra khu vực bãi tập kết cát	m <sup>3</sup>	740	
c	Khối lượng đất san gạt mặt bằng	m <sup>3</sup>	740	
<b>3</b>	<b>Tu sửa đường vận chuyển</b>			Sau khi kết thúc khai thác
-	Đoạn đường từ khu vực bãi tập kết cát dự án dẫn ra đường TL2	m <sup>2</sup>	8.000	
<b>4</b>	<b>Vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ</b>	ca	2	Sau khi kết thúc khai thác
<b>5</b>	<b>Giám sát môi trường</b>	năm	1	Thực hiện 1 năm trong quá trình thực hiện cải tạo, PHMT

#### 4.6.2. Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.387.903.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng chẵn*), chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đắk Lắk số tiền là 185.270.000 đồng. Tổng giá trị còn lại phải ký quỹ là **1.202.633.000** đồng.

- Phương thức ký quỹ: nhiều lần

+ Số lần ký quỹ: 11 lần (tính cho thời hạn tồn tại dự án nêu trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường là 11 năm).

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: 240.526.600 đồng (20% tổng số tiền ký quỹ)

+ Số tiền ký quỹ năm từ lần thứ 2 đến lần thứ 11: 96.210.640 đồng. Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

+ Chủ dự án nộp số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 2 đến lần thứ 11) phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ nêu trên nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hằng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho đơn vị nhận ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc Quỹ Đầu tư và Phát triển Đăk Lăk hoặc các đơn vị khác có chức năng theo quy định của pháp luật.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Ký quỹ lần đầu: Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

+ Ký quỹ lần thứ 2 đến lần thứ 11: Phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

+ Sau mỗi đợt ký quỹ, chủ dự án phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

- Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt, chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian tại Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để xem xét, điều chỉnh.

## **5. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn vận hành**

### **5.1. Giám sát không khí xung quanh**

- Vị trí: 02 điểm, tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động khai thác cát và hoạt động vận chuyển cát trên sông (cuối hướng gió, gần ranh giới tiếp giáp dự án), vị trí giám sát di chuyển theo hướng khai thác sau mỗi đợt giám sát kế tiếp và theo các mùa gió chủ đạo trong năm; và 01 điểm tại bãi tập kết cát về cuối hướng gió.

- Tần suất: 6 tháng/lần.

- Thông số: Tiếng ồn, bụi, tốc độ gió, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### **5.2. Giám sát chất thải rắn**

- Tần suất: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi có chuyển giao chất thải cho đơn vị khác.

- Nội dung: Khối lượng, thành phần, số lượng phát sinh; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Việc quản lý chất thải: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **5.3. Giám sát chất thải nguy hại**

- Vị trí: Tại kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại của dự án.
- Tần suất: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi có chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.
- Nội dung: Tổng lượng, thành phần, số lượng phát sinh; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.
- Việc quản lý chất thải nguy hại: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **5.4. Giám sát chất lượng nước mặt**

- Vị trí: 02 điểm, tại thượng nguồn và hạ nguồn đoạn sông khai thác. Vị trí giám sát di chuyển theo hướng khai thác sau mỗi đợt giám sát kế tiếp và theo các mùa gió chủ đạo trong năm.
- Tần suất: 6 tháng/lần.
- Thông số: pH, COD, DO, TSS, Amoni, Clorua, Nitrit, Nitrat, Tổng dầu mỡ, chì, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT-Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

#### **5.5. Giám sát nước thải sinh hoạt**

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại nhà vệ sinh khu vực văn phòng
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub> (20 °C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P), Tổng Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước thải sinh hoạt.

#### **5.6. Giám sát sự cố môi trường, sụt lún, sạt lở bờ sông, địa hình đáy sông**

- Vị trí: Dọc theo chiều dài sông khu vực được cấp phép khai thác.
- Tần suất: Thường xuyên.
- Nội dung:
  - + Giám sát sụt lún, sạt lở, các sự cố có thể xảy ra, kiểm tra thiết bị, phương tiện, công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh môi trường.
  - + Định kỳ đo đạc, lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác theo quy định.
- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành có liên quan.

### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đất đai, xây dựng và tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ

trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6.2. Triển khai dự án theo đúng nội dung thiết kế cơ sở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trên diện tích đoạn sông được phép khai thác, tiến hành thực hiện cắm mốc gửi trên bờ; thông báo với cơ quan nhà nước có liên quan để điều tiết giao thông đường thủy; phối hợp với chính quyền địa phương thông báo rộng rãi để nhân dân trong khu vực dự án biết về thời gian và địa điểm thực hiện dự án.

6.3. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án trước khi triển khai thực hiện dự án. Chỉ được triển khai xây dựng dự án sau khi đã hoàn thành các thủ tục về đất đai và khoáng sản theo quy định.

6.4. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, công suất, độ sâu, trữ lượng, phương án khai thác và thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản. Dự án chỉ được triển khai sau khi được giao mốc giới vị trí khai thác. Hoạt động khai thác phải được trải đều trên toàn diện tích, không tạo các hố sâu trên bề mặt đáy sông. Tuân thủ nghiêm túc quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

6.5. Trong quá trình thực hiện dự án, tiến hành giám sát biến động đường bờ, dòng chảy, khuyếch tán bùn, cát; trường hợp các hoạt động của dự án có ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh hoặc tác động khác kết quả mô hình thì phải dừng ngay hoạt động khai thác và phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý và chính quyền địa phương khắc phục và đền bù thiệt hại theo quy định pháp luật.

6.6. Xây dựng, tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng cứu khi xảy ra sự cố nhằm bảo đảm an toàn cho người và thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh; thực hiện kế hoạch khắc phục sự cố sạt lở bờ sông, ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật; tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn giao thông thủy, an ninh trật tự và các quy phạm pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

6.7. Dừng ngay hoạt động khai thác cát khi có các biểu hiện gây ô nhiễm môi trường nước trên diện rộng hoặc hiện tượng sạt lở bờ sông gây nguy hiểm cho các công trình xung quanh khu vực dự án, ảnh hưởng đến các hộ nuôi cá nước ngọt về phía hạ lưu diện tích khai thác; chủ động phối hợp với các đơn vị khai thác cát liền kề, các đơn vị chức năng làm rõ nguyên nhân và có phương án giảm thiểu tác động, khắc phục sự cố; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản; đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

6.9. Tuân thủ nghiêm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung

phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

6.10. Tuyệt đối không được sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, hóa chất và các vật liệu khác không rõ nguồn gốc và không hợp pháp trong quá trình triển khai hoạt động của dự án.

6.11. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền để kịp thời xem xét, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.